

Số: 528/QĐ-UBND

Phú Thiên, ngày 05 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND-UBND năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ xác nhận của Chủ tịch UBND huyện Phú Thiên về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực theo TCVN ISO 9001:2008;

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND-UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND huyện Phú Thiên phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KHCN;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Chánh, các PVP HĐND-UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VP, cvĐ.



Nguyễn Văn Phụng

**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND HUYỆN PHÚ THIÊN ĐƯỢC
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 528/QĐ-UBND ngày 05/6/2015
của Chủ tịch UBND huyện Phú Thiện*

STT	Tên tài liệu
1. Lĩnh vực nông nghiệp	
1.	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với bò đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại cơ sở chăn nuôi
2.	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại hộ gia đình
2. Lĩnh vực phát triển nông thôn	
3.	Xét duyệt hộ gia đình được di chuyển đến vùng dự án (hoặc đến xã nhận dân xen, ghép)
4.	Bố trí, ổn định dân cư nội vùng dự án, nội tỉnh cùng huyện
5.	Bố trí, ổn định dân cư nội tỉnh khác huyện
6.	Bố trí, ổn định dân cư ngoại tỉnh
7.	Bố trí, ổn định dân cư đến các xã nhận dân xen ghép cùng huyện
8.	Bố trí, ổn định dân cư đến các xã nhận dân xen ghép khác huyện
9.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
10.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại
11.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại
3. Lĩnh vực lâm nghiệp	
12.	Phê duyệt phương án khai thác rừng theo phương thức khai thác chính, khai thác gỗ phục vụ cho nhu cầu hàng năm từ rừng tự nhiên
13.	Cấp giấy phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên, khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm
14.	Cấp Giấy phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại
15.	Đăng ký khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình, hoặc sử dụng vào mục đích khác
16.	Đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh đối với rừng tự nhiên
17.	Đăng ký khai thác tận dụng những cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy và tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh đối với gỗ rừng tự nhiên hoặc rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại

18.	Cấp giấy phép khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ, tre nứa trong rừng tự nhiên, rừng trồng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng)
19.	Cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân
20.	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân
21.	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn
22.	Thu hồi rừng đối với trường hợp chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự nguyện trả lại rừng
4. Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
23.	Kiểm tra, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm
5. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	
24.	Xin phép thành lập trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
25.	Đăng ký hoạt động giáo dục đối với trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
26.	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
27.	Giải thể trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
28.	Xin phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục
29.	Đăng ký hoạt động trường trung học cơ sở tư thục
30.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở tư thục
31.	Giải thể trường trung học cơ sở tư thục
32.	Chuyển trường đối với học sinh Trung học cơ sở
33.	Tiếp nhận học sinh nước ngoài về nước cấp trung học cơ sở
34.	Tiếp nhận học sinh Việt nam về nước cấp trung học cơ sở
35.	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường (nội dung chương trình tiểu học, trung học cơ sở)
36.	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường (nội dung chương trình tiểu học, trung học cơ sở)
37.	Chỉnh, sửa nội dung bằng tốt nghiệp trung học cơ sở
38.	Cấp Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở
6. Lĩnh vực công thương	
39.	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) Rượu
40.	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) Rượu đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực (5 năm)
41.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
42.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực (5 năm)
43.	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá

44.	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá
45.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá trong trường hợp hết thời hạn
46.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá trong trường hợp giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy
7. Lĩnh vực quản lý đô thị	
47.	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 1
48.	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 2
49.	Cấp giấy chứng nhận số nhà
50.	Cấp giấy phép quy hoạch
51.	Thẩm định nhiệm vụ - dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)
52.	Thẩm định đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)
53.	Giám định hiện trạng công trình xây dựng
54.	Phê duyệt phương án phá dỡ công trình, nhà ở riêng lẻ
8. Lĩnh vực văn hóa thông tin	
55.	Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke
56.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân
57.	Công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
58.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
59.	Công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”
60.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
61.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
62.	Cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.
63.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.
9. Lĩnh vực lao động thương binh và xã hội	

64.	Xét cấp sổ Ưu đãi giáo dục-đào tạo cho học sinh, sinh viên con của đối tượng người có công với cách mạng
65.	Chi trả trợ cấp ưu đãi giáo dục - đào tạo cho con người có công cách mạng
66.	Xét hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (đối với đối tượng đã về gia đình)
67.	Xét hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng đang công tác)
68.	Xét hưởng bổ sung chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (Đối với những trường hợp thuộc đối tượng đã được hưởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ để hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg nay được bổ sung hưởng chế độ theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg)
69.	Giải quyết chế độ mai táng phí cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước
70.	Giải quyết chế độ BHYT cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước
71.	Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người có công với cách mạng
72.	Giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng
73.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy
74.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995
75.	Giải quyết trợ cấp tuất từ trần (Người có công với cách mạng từ trần)
76.	Giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc
77.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong kháng chiến
78.	Cấp Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
79.	Giải quyết chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng đối với người có công với cách mạng
80.	Cấp giấy giới thiệu thân nhân di chuyển hải cốt liệt sĩ
81.	Cấp giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ
10. Lĩnh vực bảo trợ xã hội	
82.	Trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi

83.	Trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi đủ điều kiện tiếp nhận vào sống trong cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng
84.	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng
85.	Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội
86.	Cấp giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi
87.	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi
88.	Trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng
89.	Trợ cấp Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi
90.	Hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
91.	Xét đề nghị đưa đối tượng Bảo trợ xã hội vào cơ sở Bảo trợ xã hội
92.	Hỗ trợ cho trẻ lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm
93.	Cấp bù học phí (theo mức học phí của các trường công lập trong vùng) cho học sinh là con của người có công với nước, các đối tượng chính sách học mẫu giáo và phổ thông ngoài công lập
94.	Cấp trực tiếp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng được miễn, giảm học phí học chính quy ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập
95.	Hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015
11. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	
96.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị
97.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng thành tích theo đợt, chuyên đề
98.	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích đột xuất
99.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại
100.	Xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”
101.	Xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”
12. Lĩnh vực tổ chức/bộ máy	
102.	Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã
103.	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập
104.	Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động Cơ sở BTXH ngoài công lập
105.	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập
13. Lĩnh vực tôn giáo	
106.	Chấp thuận hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở

107.	Đăng ký hội đoàn tôn giáo
108.	Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác
109.	Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành
110.	Tiếp nhận thông báo chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành
111.	Chấp thuận các cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo
112.	Chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo
113.	Tiếp nhận thông báo tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo
114.	Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở có sự tham gia của tín đồ trong huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
14. Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh	
115.	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh
116.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh
117.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
118.	Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh
119.	Đăng ký kinh doanh Hợp tác xã
120.	Đăng ký kinh doanh trong trường hợp thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Hợp tác xã
121.	Đăng ký kinh doanh trong trường hợp: thay đổi nơi đăng ký kinh doanh; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; đổi tên hợp tác xã; thay đổi số lượng xã viên, người đại diện theo pháp luật, danh sách Ban Quản trị, Ban kiểm soát; thay đổi vốn điều lệ; sửa đổi Điều lệ Hợp tác xã; chia, tách Hợp tác xã
122.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã
123.	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp hợp nhất Hợp tác xã
124.	Đăng ký kinh doanh khi sáp nhập hợp tác xã
125.	Đăng ký tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã
126.	Đăng ký giải thể hợp tác xã (tự nguyện giải thể)
127.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã (trường hợp bị mất)
128.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã (trường hợp bị hư hỏng)
15. Lĩnh vực tư pháp	
129.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản
130.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản
131.	Chứng thực giấy Ủy quyền
132.	Chứng thực Hợp đồng Ủy quyền

133.	Chứng thực hợp đồng tặng cho nhà ở
134.	Chứng thực hợp đồng mua bán nhà ở
135.	Chứng thực hợp đồng cho thuê nhà
136.	Chứng thực hợp đồng cho mượn, cho ở nhờ nhà ở
137.	Chứng thực hợp đồng đổi nhà
138.	Chứng thực hợp đồng thế chấp nhà ở
139.	Chứng thực hợp đồng ủy quyền quản lý nhà
140.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng
141.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt, giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và giấy tờ, văn bản song ngữ
142.	Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài
143.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt, giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và giấy tờ, văn bản song ngữ
144.	Chứng thực điểm chỉ trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt và giấy tờ, văn bản song ngữ
145.	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch
146.	Cấp lại bản chính Giấy khai sinh
147.	Thay đổi họ, tên, chữ đệm đã được đăng ký đúng trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính giấy khai sinh, nhưng có yêu cầu thay đổi khi có lý do chính đáng theo quy định của Bộ luật Dân sự (cho người từ đủ 14 tuổi trở lên)
148.	Cải chính những nội dung đã được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, nhưng có sai sót trong khi đăng ký (cho người từ đủ 14 tuổi trở lên)
149.	Xác định lại dân tộc của người con theo dân tộc của người cha hoặc dân tộc của người mẹ (không phân biệt độ tuổi)
150.	Xác định lại giới tính của một người trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ về giới tính (không phân biệt độ tuổi)
151.	Bổ sung những nội dung chưa được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh (không phân biệt độ tuổi)
152.	Điều chỉnh những nội dung trong sổ đăng ký hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác, không phải Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh (không phân biệt độ tuổi)
16. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	
153.	Giải quyết tranh chấp đất đai
154.	Thu hồi đất đối với trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất

155.	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường
156.	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đối với đề xuất hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường
17. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	
157.	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng (cấp lần đầu)
158.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài
159.	Đăng ký mua bán, thừa kế, tặng cho, đổi nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất ở đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng và đủ điều kiện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
160.	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng người sử dụng đất không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của chủ khác (cấp lần đầu)
161.	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
162.	Cấp giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng
163.	Đính chính đối với các loại Giấy chứng nhận đã cấp
164.	Cấp đổi Giấy chứng nhận được cấp theo quy định của pháp luật trước ngày 01/8/2009 (mẫu Giấy chứng nhận cũ) và cấp đổi Giấy chứng nhận bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc do đo đạc lại trong trường hợp không có yêu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
165.	Cấp đổi các loại Giấy chứng nhận đã cấp và cấp đổi Giấy chứng nhận bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc do đo đạc lại trong trường hợp có yêu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
166.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
167.	Gia hạn sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất nông nghiệp
168.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây
169.	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận
170.	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận

171.	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận
172.	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
173.	Xoá đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
174.	Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
175.	Xoá đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
176.	Đăng ký nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
177.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai
178.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất
179.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất
180.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai đồng thời là người sử dụng đất)
181.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không đồng thời là người sử dụng đất)
182.	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký
183.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp
184.	Đăng ký xoá đăng ký thế chấp
185.	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký
186.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất
187.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép
188.	Xin phép chuyển mục đích sử dụng đất
189.	Chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
190.	Tách thửa hoặc hợp thửa
191.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
192.	Cấp Giấy chứng nhận cho người nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chia tách hộ gia đình hoặc chia tách nhóm người sử dụng đất, nhóm chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

193.	Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất, tài sản trên đất nhưng người chuyển quyền sử dụng đất không nộp Giấy chứng nhận để thực hiện thủ tục chuyển quyền (trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất kể từ ngày 01/7/2004)
194.	Thẩm định hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng

DANH MỤC
TÀI LIỆU HTQLCL ISO 9001:2008

STT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành				Ghi chú
			1	2	3	4	
1. Thủ tục theo yêu cầu tiêu chuẩn							
1.	Chính sách chất lượng	CSCCL	X				
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	X				
3.	Sổ tay chất lượng	STCL	X				
4.	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT-01	X				
5.	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT-02	X				
6.	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-03	X				
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT-04	X				
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	X				
9.	Quy trình thực hiện hành động phòng ngừa	QT-06	X				
2. Lĩnh vực nông nghiệp							
10.	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với bò đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại cơ sở chăn nuôi	QT-01/NNPTNT	X				

11.	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại hộ gia đình	QT-02/NNPTNT	X				
3. Lĩnh vực phát triển nông thôn							
12.	Xét duyệt hộ gia đình được di chuyển đến vùng dự án (hoặc đến xã nhận dân xen, ghép)	QT-03/NNPTNT	X				
13.	Bố trí, ổn định dân cư nội vùng dự án, nội tỉnh cùng huyện	QT-04/NNPTNT	X				
14.	Bố trí, ổn định dân cư nội tỉnh khác huyện	QT-05/NNPTNT	X				
15.	Bố trí, ổn định dân cư ngoại tỉnh	QT-06/NNPTNT	X				
16.	Bố trí, ổn định dân cư đến các xã nhận dân xen ghép cùng huyện	QT-07/NNPTNT	X				
17.	Bố trí, ổn định dân cư đến các xã nhận dân xen ghép khác huyện	QT-08/NNPTNT	X				
18.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-09/NNPTNT	X				
19.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-10/NNPTNT	X				
20.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-11/NNPTNT	X				
4. Lĩnh vực lâm nghiệp							
21.	Phê duyệt phương án khai thác rừng theo phương thức khai thác chính, khai thác gỗ phục vụ cho nhu cầu hàng năm từ rừng tự nhiên	QT-12/NNPTNT	X				

22.	Cấp giấy phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên, khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm	QT-13/NNPTNT	X				
23.	Cấp Giấy phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại	QT-14/NNPTNT	X				
24.	Đăng ký khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình, hoặc sử dụng vào mục đích khác	QT-15/NNPTNT	X				
25.	Đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh đối với rừng tự nhiên	QT-16/NNPTNT	X				
26.	Đăng ký khai thác tận dụng những cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy và tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh đối với gỗ rừng tự nhiên hoặc rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại	QT-17/NNPTNT	X				
27.	Cấp giấy phép khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ, tre nứa trong rừng tự nhiên, rừng trồng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng)	QT-18/NNPTNT	X				
28.	Cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-19/NNPTNT	X				
29.	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	QT-20/NNPTNT	X				
30.	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	QT-21/NNPTNT	X				

31.	Thu hồi rừng đối với trường hợp chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự nguyện trả lại rừng	QT-22/NNPTNT	X				
5. Lĩnh vực An toàn thực phẩm							
32.	Kiểm tra, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm	QT-23/NNPTNT	X				
6. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							
33.	Xin phép thành lập trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-01/GDĐT	X				
34.	Đăng ký hoạt động giáo dục đối với trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-02/GDĐT	X				
35.	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-03/GDĐT	X				
36.	Giải thể trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-04/GDĐT	X				
37.	Xin phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-05/GDĐT	X				
38.	Đăng ký hoạt động trường trung học cơ sở tư thục	QT-06/GDĐT	X				
39.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở tư thục	QT-07/GDĐT	X				
40.	Giải thể trường trung học cơ sở tư thục	QT-08/GDĐT	X				
41.	Chuyển trường đối với học sinh Trung học cơ sở	QT-09/GDĐT	X				

42.	Tiếp nhận học sinh nước ngoài về nước cấp trung học cơ sở	QT-10/GDĐT	X				
43.	Tiếp nhận học sinh Việt nam về nước cấp trung học cơ sở	QT-11/GDĐT	X				
44.	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường (nội dung chương trình tiểu học, trung học cơ sở)	QT-12/GDĐT	X				
45.	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường (nội dung chương trình tiểu học, trung học cơ sở)	QT-13/GDĐT	X				
46.	Chỉnh, sửa nội dung bằng tốt nghiệp trung học cơ sở	QT-14/GDĐT	X				
47.	Cấp Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở	QT-15/GDĐT	X				
7. Lĩnh vực công thương							
48.	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) Rượu	QT-01/KTHT	X				
49.	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) Rượu đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực (5 năm)	QT-02/KTHT	X				
50.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-03/KTHT	X				
51.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực (5 năm)	QT-04/KTHT	X				

52.	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá	QT-05/KTHT	X				
53.	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá	QT-06/KTHT	X				
54.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá trong trường hợp hết thời hạn	QT-07/KTHT	X				
55.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá trong trường hợp giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu huỷ toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy	QT-08/KTHT	X				
8. Lĩnh vực quản lý đô thị							
56.	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 1	QT-09/KTHT	X				
57.	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 2	QT-10/KTHT	X				
58.	Cấp giấy chứng nhận số nhà	QT-11/KTHT	X				
59.	Cấp giấy phép quy hoạch	QT-12/KTHT	X				

60.	Thẩm định nhiệm vụ - dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)	QT-13/KTHT					
61.	Thẩm định đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)	QT-14/KTHT					
62.	Giám định hiện trạng công trình xây dựng	QT-15/KTHT					
63.	Phê duyệt phương án phá dỡ công trình, nhà ở riêng lẻ	QT-16/KTHT					
9. Lĩnh vực văn hóa thông tin							
64.	Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke	QT-01/VHTT	X				
65.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân	QT-02/VHTT	X				
66.	Công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-03/VHTT	X				
67.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-04/VHTT	X				

68.	Công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”	QT-05/VHTT	X				
69.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-06/VHTT	X				
70.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-07/VHTT	X				
71.	Cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	QT-08/VHTT	X				
72.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	QT-09/VHTT	X				
10. Lĩnh vực lao động thương binh và xã hội							
73.	Xét cấp sổ Ưu đãi giáo dục-đào tạo cho học sinh, sinh viên con của đối tượng người có công với cách mạng	QT-01/LĐTBXH	X				
74.	Chi trả trợ cấp ưu đãi giáo dục - đào tạo cho con người có công cách mạng	QT-02/LĐTBXH	X				
75.	Xét hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (đối với đối tượng đã về gia đình)	QT-03/LĐTBXH	X				

76.	Xét hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng đang công tác)	QT-04/LĐTBXH	X				
77.	Xét hưởng bổ sung chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (Đối với những trường hợp thuộc đối tượng đã được hưởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ để hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg nay được bổ sung hưởng chế độ theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg)	QT-05/LĐTBXH	X				
78.	Giải quyết chế độ mai táng phí cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước	QT-06/LĐTBXH	X				
79.	Giải quyết chế độ BHYT cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước	QT-07/LĐTBXH	X				
80.	Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người có công với cách mạng	QT-08/LĐTBXH	X				

81.	Giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng	QT-09/LĐTBXH	X				
82.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy	QT-10/LĐTBXH	X				
83.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995	QT-11/LĐTBXH	X				
84.	Giải quyết trợ cấp tuất tử trần (Người có công với cách mạng tử trần)	QT-12/LĐTBXH	X				
85.	Giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc	QT-13/LĐTBXH	X				
86.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong kháng chiến	QT-14/LĐTBXH	X				
87.	Cấp Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-15/LĐTBXH	X				
88.	Giải quyết chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng đối với người có công với cách mạng	QT-16/LĐTBXH	X				
89.	Cấp giấy giới thiệu thân nhân di chuyển hải cốt liệt sĩ	QT-17/LĐTBXH	X				
90.	Cấp giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-18/LĐTBXH	X				
11. Lĩnh vực bảo trợ xã hội							
91.	Trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi	QT-19/LĐTBXH	X				

92.	Trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi đủ điều kiện tiếp nhận vào sống trong cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng	QT-20/LĐTBXH	X				
93.	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng	QT-21/LĐTBXH	X				
94.	Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội	QT-22/LĐTBXH	X				
95.	Cấp giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi	QT-23/LĐTBXH	X				
96.	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi	QT-24/LĐTBXH	X				
97.	Trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT-25/LĐTBXH	X				
98.	Trợ cấp Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi	QT-26/LĐTBXH	X				
99.	Hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-27/LĐTBXH	X				
100.	Xét đề nghị đưa đối tượng Bảo trợ xã hội vào cơ sở Bảo trợ xã hội	QT-28/LĐTBXH	X				
101.	Hỗ trợ cho trẻ lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm	QT-29/LĐTBXH	X				
102.	Cấp bù học phí (theo mức học phí của các trường công lập trong vùng) cho học sinh là con của người có công với nước, các đối tượng chính sách học mẫu giáo và phổ thông ngoài công lập	QT-30/LĐTBXH	X				

103.	Cấp trực tiếp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng được miễn, giảm học phí học chính quy ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập	QT-31/LĐTBXH	X				
104.	Hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015	QT-32/LĐTBXH	X				

12. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng

105.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-01/NV	X				
106.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng thành tích theo đợt, chuyên đề	QT-02/NV	X				
107.	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích đột xuất	QT-03/NV	X				
108.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT-04/NV	X				
109.	Xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”	QT-05/NV	X				
110.	Xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	QT-06/NV	X				

13. Lĩnh vực tổ chức/bộ máy

111.	Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã	QT-07/NV	X				
112.	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	QT-08/NV	X				
113.	Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động Cơ sở BTXH ngoài công lập	QT-09/NV	X				

114.	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	QT-10/NV	X					
14. Lĩnh vực tôn giáo								
115.	Chấp thuận hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở	QT-11/NV	X					
116.	Đăng ký hội đoàn tôn giáo	QT-12/NV	X					
117.	Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác	QT-13/NV	X					
118.	Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT-14/NV	X					
119.	Tiếp nhận thông báo chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT-15/NV	X					
120.	Chấp thuận các cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo	QT-16/NV	X					
121.	Chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo	QT-17/NV						
122.	Tiếp nhận thông báo tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo	QT-18/NV	X					
123.	Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở có sự tham gia của tín đồ trong huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-19/NV	X					
15. Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh								
124.	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh	QT-01/TCKH	X					
125.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	QT-02/TCKH	X					

126.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	QT-03/TCKH	X					
127.	Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh	QT-04/TCKH	X					
128.	Đăng ký kinh doanh Hợp tác xã	QT-05/TCKH	X					
129.	Đăng ký kinh doanh trong trường hợp thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Hợp tác xã	QT-06/TCKH	X					
130.	Đăng ký kinh doanh trong trường hợp: thay đổi nơi đăng ký kinh doanh; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; đổi tên hợp tác xã; thay đổi số lượng xã viên, người đại diện theo pháp luật, danh sách Ban Quản trị, Ban kiểm soát; thay đổi vốn điều lệ; sửa đổi Điều lệ Hợp tác xã; chia, tách Hợp tác xã	QT-07/TCKH	X					
131.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã	QT-08/TCKH	X					
132.	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp hợp nhất Hợp tác xã	QT-09/TCKH	X					
133.	Đăng ký kinh doanh khi sáp nhập hợp tác xã	QT-10/TCKH	X					
134.	Đăng ký tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã	QT-11/TCKH	X					
135.	Đăng ký giải thể hợp tác xã (tự nguyện giải thể)	QT-12/TCKH	X					
136.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã (trường hợp bị mất)	QT-13/TCKH	X					

137.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã (trường hợp bị hư hỏng)	QT-14/TCKH	X					
16. Lĩnh vực tư pháp								
138.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản	QT-01/TP	X					
139.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản	QT-02/TP	X					
140.	Chứng thực giấy Ủy quyền	QT-03/TP	X					
141.	Chứng thực Hợp đồng Ủy quyền	QT-04/TP	X					
142.	Chứng thực hợp đồng tặng cho nhà ở	QT-05/TP	X					
143.	Chứng thực hợp đồng mua bán nhà ở	QT-06/TP	X					
144.	Chứng thực hợp đồng cho thuê nhà	QT-07/TP	X					
145.	Chứng thực hợp đồng cho mượn, cho ở nhờ nhà ở	QT-08/TP	X					
146.	Chứng thực hợp đồng đổi nhà	QT-09/TP	X					
147.	Chứng thực hợp đồng thế chấp nhà ở	QT-10/TP	X					
148.	Chứng thực hợp đồng ủy quyền quản lý nhà	QT-11/TP	X					
149.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng	QT-12/TP	X					
150.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt, giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và giấy tờ, văn bản song ngữ	QT-13/TP	X					

151.	Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	QT-14/TP	X					
152.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt, giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và giấy tờ, văn bản song ngữ	QT-15/TP	X					
153.	Chứng thực điểm chỉ trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt và giấy tờ, văn bản song ngữ	QT-16/TP	X					
154.	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	QT-17/TP	X					
155.	Cấp lại bản chính Giấy khai sinh	QT-18/TP						
156.	Thay đổi họ, tên, chữ đệm đã được đăng ký đúng trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính giấy khai sinh, nhưng có yêu cầu thay đổi khi có lý do chính đáng theo quy định của Bộ luật Dân sự (cho người từ đủ 14 tuổi trở lên)	QT-19/TP						
157.	Cải chính những nội dung đã được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, nhưng có sai sót trong khi đăng ký (cho người từ đủ 14 tuổi trở lên)	QT-20/TP						
158.	Xác định lại dân tộc của người con theo dân tộc của người cha hoặc dân tộc của người mẹ (không phân biệt độ tuổi)	QT-21/TP						

159.	Xác định lại giới tính của một người trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ về giới tính (không phân biệt độ tuổi)	QT-22/TP						
160.	Bổ sung những nội dung chưa được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh (không phân biệt độ tuổi)	QT-23/TP						
161.	Điều chỉnh những nội dung trong sổ đăng ký hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác, không phải Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh (không phân biệt độ tuổi)	QT-24/TP						

17. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

162.	Giải quyết tranh chấp đất đai	QT-01/TNMT	X					
163.	Thu hồi đất đối với trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất	QT-02/TNMT	X					
164.	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường	QT-03/TNMT	X					
165.	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đối với đề xuất hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường	QT-04/TNMT	X					

18. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất

166.	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng (cấp lần đầu)	QT- 01/VPDKQSDD	X				
167.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài	QT- 02/VPDKQSDD	X				
168.	Đăng ký mua bán, thừa kế, tặng cho, đổi nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất ở đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng và đủ điều kiện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT- 03/VPDKQSDD	X				
169.	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng người sử dụng đất không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của chủ khác (cấp lần đầu)	QT- 04/VPDKQSDD	X				
170.	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QT- 05/VPDKQSDD	X				
171.	Cấp giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng	QT- 06/VPDKQSDD	X				
172.	Đính chính đối với các loại Giấy chứng nhận đã cấp	QT- 07/VPDKQSDD	X				

173.	Cấp đổi Giấy chứng nhận được cấp theo quy định của pháp luật trước ngày 01/8/2009 (mẫu Giấy chứng nhận cũ) và cấp đổi Giấy chứng nhận bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc do đo đạc lại trong trường hợp không có yêu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-08/VPDKQSDD	X				
174.	Cấp đổi các loại Giấy chứng nhận đã cấp và cấp đổi Giấy chứng nhận bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc do đo đạc lại trong trường hợp có yêu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-09/VPDKQSDD	X				
175.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	QT-10/VPDKQSDD	X				
176.	Gia hạn sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất nông nghiệp	QT-11/VPDKQSDD	X				
177.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây	QT-12/VPDKQSDD	X				

178.	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận	QT- 13/VPDKQSDD	X					
179.	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận	QT- 14/VPDKQSDD	X					
180.	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận	QT- 15/VPDKQSDD	X					
181.	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT- 16/VPDKQSDD	X					
182.	Xoá đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT- 17/VPDKQSDD	X					
183.	Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	QT- 18/VPDKQSDD	X					
184.	Xoá đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT- 19/VPDKQSDD	X					
185.	Đăng ký nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT- 20/VPDKQSDD	X					

186.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	QT- 21/VPDKQSDD	X				
187.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất	QT- 22/VPDKQSDD	X				
188.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất	QT- 23/VPDKQSDD	X				
189.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai đồng thời là người sử dụng đất)	QT- 24/VPDKQSDD	X				
190.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không đồng thời là người sử dụng đất)	QT- 25/VPDKQSDD	X				
191.	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	QT- 26/VPDKQSDD	X				
192.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	QT- 27/VPDKQSDD	X				

UBND huyện Phú Thiện

193.	Đăng ký xóa đăng ký thế chấp	QT- 28/VPDKQSDD	X					
194.	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký	QT- 29/VPDKQSDD	X					
195.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất	QT- 30/VPDKQSDD	X					
196.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép	QT- 31/VPDKQSDD	X					
197.	Xin phép chuyển mục đích sử dụng đất	QT- 32/VPDKQSDD	X					
198.	Chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT- 33/VPDKQSDD	X					
199.	Tách thửa hoặc hợp thửa	QT- 34/VPDKQSDD	X					
200.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT- 35/VPDKQSDD	X					
201.	Cấp Giấy chứng nhận cho người nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chia tách hộ gia đình hoặc chia tách nhóm người sử dụng đất, nhóm chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT- 36/VPDKQSDD	X					

202.	Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất, tài sản trên đất nhưng người chuyển quyền sử dụng đất không nộp Giấy chứng nhận để thực hiện thủ tục chuyển quyền (trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất kể từ ngày 01/7/2004)	QT- 37/VPDKQSDD	X				
203.	Thẩm định hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng	QT- 37/VPDKQSDD		X			

